ruǎn jiàn

软件

Noun · software

Example Sentences

wǒ xià zài le yí gè ruǎn jiàn
我下载了一个软件。

I downloaded a software.

zhè ge ruǎn jiàn kě yǐ bāng zhù nǐ xué xí zhōng wén
这个软件可以帮助你学习中文。

This software can help you learn Chinese.

zhè kuǎn ruǎn jiàn suī rán gōng néng qiáng dà dàn cāo zuò jiè miàn què yì cháng fù zá
这款软件虽然功能强大，但操作界面却异常复杂。

Although this software is powerful, its user interface is exceptionally complex.

Trace each character, then write the word on your own.